

**VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN  
DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG - VNSAT**

**BÁO CÁO**  
**THỊ TRƯỜNG ĐỐI THỦ CẠNH TRANH – THỊ  
TRƯỜNG BRAZIL**

**Hà Nội, 2018**

## MỤC LỤC

I Giới thiệu chung.....	3
II. Thực trạng sản xuất cà phê .....	5
2.1. Biến động sản xuất.....	5
2.2 Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm.....	7
2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất.....	8
III. Thực trạng thương mại của ngành hàng.....	10
3.1 Xuất khẩu.....	10
3.2 Nhập khẩu.....	13
3.3 Tiêu dùng trong nước.....	14
3.4 Tồn kho.....	15
3.5 Giá cà phê trong nước.....	16
3.6 Chính sách thương mại của Brazil.....	17
IV. Kết luận và một số lưu ý cho Việt Nam.....	18
4.1 Kết luận.....	18
4.2 Một số lưu ý cho Việt Nam .....	19
Tài liệu tham khảo.....	20

## DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1 Diện tích cà phê của Brazil 2007 - 2018 .....	6
Biểu đồ 2 Sản lượng và năng suất cà phê Brazil 2007 - 2018 .....	7
Biểu đồ 3 Khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Brazil từ 2008 - 2017 .....	11
Biểu đồ 4 Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Brazil .....	11
Biểu đồ 5 Thị trường xuất khẩu cà phê không tan chính của Brazil 2017.....	12
Biểu đồ 6 Giá xuất khẩu cà phê không tan của Brazil qua các năm .....	12
Biểu đồ 7 Thị trường xuất khẩu hòa tan chính của Brazil 2017 .....	13
Biểu đồ 8 Nhập khẩu cà phê của Brazil 2008 - 2017.....	13
Biểu đồ 9 Nguồn nhập khẩu cà phê của Brazil 2017 .....	14
Biểu đồ 10 Tiêu thụ cà phê trong nước của Brazil 2001-2018 .....	15
Biểu đồ 11 Tiêu thụ cà phê Brazil tính theo bình quân đầu người .....	15
Biểu đồ 12 Tồn kho của Brazil 2016-2018 .....	16
Biểu đồ 13 Giá cà phê trung bình tháng của Brazil 2016 - 2018.....	16

## I Giới thiệu chung

Brazil tên gọi chính thức là Cộng hòa Liên bang Brazil, là quốc gia lớn nhất Nam Mỹ. Brazil là quốc gia lớn thứ năm trên thế giới về diện tích lẫn dân số với hơn 190 triệu người. Brazil là quốc gia nói tiếng Bồ Đào Nha duy nhất ở châu Mỹ và lớn nhất trên thế giới.

Về địa hình, Brazil là một trong những nước có nhiều hệ thống sông lớn nhất trên thế giới. Nước này có tổng cộng 8 bồn địa lớn, nước của các con sông đi qua các bồn địa này để thoát ra Đại Tây Dương. Lưu vực sông Amazon rộng lớn và màu mỡ đã tạo điều kiện cho những cánh rừng mưa nhiệt đới hùng vĩ phát triển cùng với một hệ thống sinh vật phong phú. Địa hình của Brazil phân bố rất đa dạng và phức tạp. Tuy nhiên nhìn chung có thể chia địa hình của Brazil ra làm hai vùng chính. Phần lớn lãnh thổ ở phía bắc của Brazil là những vùng đất thấp được che phủ bởi rừng Amazon. Trong khi đó, phía nam của nước này có địa hình chủ yếu lại là đồi và những vùng núi thấp. Vùng bờ biển giáp Đại Tây Dương có nhiều dãy núi cao, có độ cao so với mặt nước biển là 2900 m.

Khí hậu: Lưu vực sông Amazon và vùng đông nam có khí hậu nhiệt đới với lượng mưa lớn. Phần còn lại của Brazil hoặc có khí hậu cận nhiệt đới hoặc khí hậu ôn hòa; nhiệt độ trung bình tháng Giêng là 23-29<sup>0</sup>C; tháng Bảy là 16-24<sup>0</sup>C. Chỉ ở vùng đông bắc có lượng mưa nhỏ.

Brazil có nền kinh tế thị trường tự do theo hướng xuất khẩu, sở hữu nền nông nghiệp, khai mỏ, gia công và lĩnh vực dịch vụ lớn ở mức độ phát triển cao, cũng như một lực lượng lao động dồi dào, GDP (theo sức mua tương đương) của Brazil vượt xa nhiều quốc gia Mỹ Latinh khác, và là nền kinh tế chủ chốt của khối Mercosur. Theo Quỹ tiền tệ Quốc tế và Ngân hàng Thế giới năm 2017, Brazil là nền kinh tế lớn thứ tám thế giới theo sức mua tương đương. GDP bình quân đầu người (PPP) của Brazil trong năm 2017 là 15,919 USD, xếp hạng thứ 77 trên thế giới. Brazil có nền kinh tế đa dạng ở mức thu nhập trung bình với mức độ phát triển rất khác nhau. Đa số các ngành công nghiệp lớn nằm ở phía nam và phía đông nam. Đông Bắc là vùng nghèo nhất Brazil, nhưng hiện đang thu hút được nhiều đầu tư nước ngoài.

Dù nền kinh tế Brazil có tầm quan trọng lớn trong khu vực, song quốc gia này vẫn đang phải đối đầu với nhiều vấn đề lớn. Những vấn đề nghiêm trọng là cơ sở hạ tầng yếu kém, thu nhập phân bố không đều, chất lượng dịch vụ công thấp, tham nhũng, những xung đột xã hội và tình trạng quan liêu của chính phủ vẫn tồn tại và đe dọa sự tăng trưởng kinh tế. Brazil hiện vẫn có hơn 22 triệu người sống dưới mức nghèo khổ. Gộp cả những người sống trong tình trạng khá nghèo (có thu nhập không đủ cho những nhu cầu cơ bản), con số

này có thể lên tới hơn 53 triệu người (khoảng 30% dân số). Đây là vấn đề đáng báo động, và nó góp phần vào sự bất bình đẳng kinh tế của đất nước, nước này được coi là đứng hàng đầu thế giới theo hệ số Gini. T

Trong năm 2017, liên tiếp các cuộc điều tra chống tham nhũng trong chương trình Lava Jato được tiến hành nhằm vào các chính trị gia làm cho tình hình Brazil luôn chứa đựng những bất ổn khó lường. Ngay cả Tổng thống đương nhiệm Michael Temer cũng phải chịu sức ép từ chức và đối mặt với nhiều các cáo buộc về tội tham nhũng thụ động và cản trở thi hành pháp luật. Tuy nhiên, những suy giảm về mặt kinh tế những năm trước kèm theo sự không hài lòng từ phía nhân dân đã xuất hiện xu thế thỏa hiệp giữa các phe phái nhằm ổn định tình hình ít nhất là cho đến hết nhiệm kỳ hiện tại vào năm 2018.

Năm 2018 Brazil sẽ tổ chức Tổng tuyển cử và bầu Tổng thống mới, quá trình tranh cử của các đảng phái sẽ như liều thuốc kích thích thị trường với các chính sách được mở rộng hơn cộng với xu thế chung là phục hồi kinh tế, dự báo kinh tế Brazil sẽ phục hồi vững hơn so với năm 2017, đạt mức tăng trưởng 1,5 – 2%.

*Bảng 1 Số liệu cơ bản về kinh tế Brazil 2016 - 2020*

Năm	2016	2017	2018 (dự kiến)	2019 (dự kiến)	2020 (dự kiến)
Tốc độ tăng trưởng GDP	-3,6%	1,0%	1,9%	2,1%	2,2%
CPI	8,7%	3,0%	4,5%	4,7%	4,5%
Xuất khẩu hàng hóa (Tỷ USD), giá FOB	185,2	217,7	197	206	216
Nhập khẩu hàng hóa (tỷ USD), giá FOB	137,5	151	163	178	191

*Nguồn:* <https://www.export.gov/article?id=Brazil-Market-Overview>

Văn hóa của Brazil chủ yếu dựa trên nền văn hóa của Bồ Đào Nha. Nước này đã từng là thuộc địa của Bồ Đào Nha trong vòng ba thế kỉ và những người dân di cư Bồ Đào Nha đã mang đến cho Brazil những nền tảng quan trọng của nền văn hóa nước này là tiếng Bồ Đào Nha, đạo Công giáo và kiến trúc. Bên cạnh đó còn có những phong tục tập quán và lối sống đặc trưng của người dân Bồ Đào Nha. Là một đất nước đa chủng tộc với nhiều màu sắc văn hóa, Brazil còn chịu ảnh hưởng của nhiều dân tộc khác nữa. Những người thổ dân châu Mỹ có ảnh hưởng đến vốn từ vựng và ẩm thực của Brazil, trong khi người da đen gốc châu Phi, vốn được mang đến Brazil để làm nô lệ trước kia, lại có ảnh hưởng quan trọng trong âm nhạc và các điệu nhảy của nước này. Vào thế kỷ XIX và thế kỷ XX, những dòng người nhập cư đến từ Ý, Đức, Tây Ban Nha, Nhật Bản, Trung Đông đã đến Brazil và

thiết lập nên những cộng đồng lớn sinh sống với nhau tại các thành phố, tạo nên những dấu ấn độc đáo khác nhau và tập trung chủ yếu tại miền nam Brazil.

Brazil có điều kiện đất đai khí hậu không thực sự thuận lợi so với Việt Nam, tuy nhiên Brazil lại là nước sản xuất cà phê lớn nhất thế giới trong 150 năm qua, hiện cung cấp 1/3 sản lượng cà phê toàn cầu. Do đó báo cáo này nhằm hiểu rõ hơn về hoạt động sản xuất, thương mại, chính sách đối với ngành cà phê của Brazil, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm để nâng cao năng lực cạnh tranh cho ngành cà phê của Việt Nam.

## **II. Thực trạng sản xuất cà phê**

### **2.1. Biến động sản xuất**

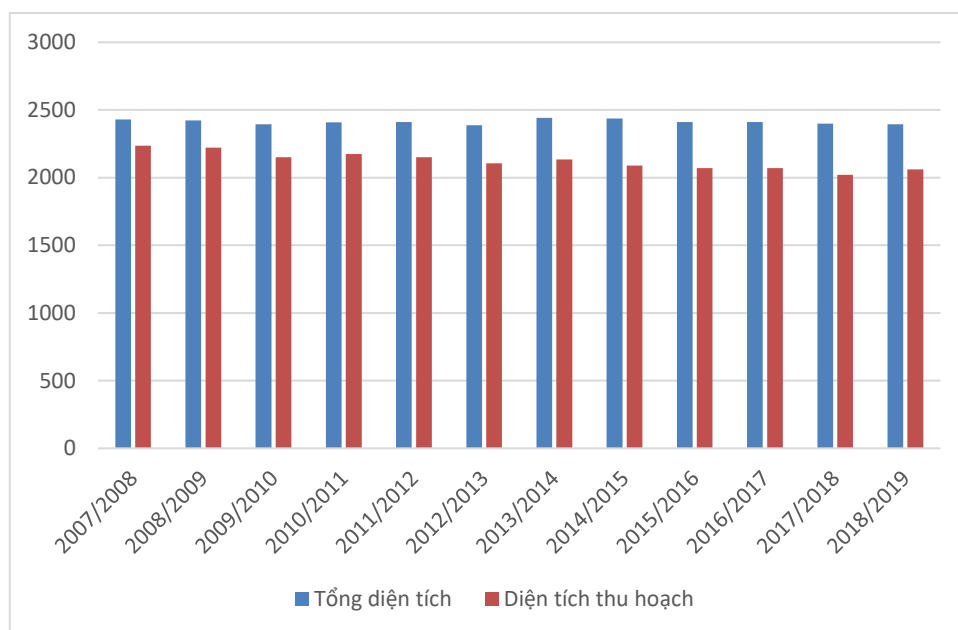
Cây cà phê đầu tiên được trồng bởi người Mỹ bản xứ, ở bang Paras, Brazil vào năm 1727. Từ đó diện tích trồng cà phê đã lan rộng từ Paras đến Rio de Janeiro năm 1770. Cà phê ban đầu được trồng chỉ để tiêu dùng trong nước, cho đến thế kỷ 19, khi nhu cầu Cà phê bắt đầu tăng ở Mỹ và Châu Âu nước này mới bắt đầu xuất khẩu. Đến năm 1820, các đồn điền cà phê bắt đầu mở rộng ở Rio de Janeiro, Sao Paulo, và Minas Gerais, Brazil đã chiếm 20% sản lượng thế giới. Chỉ mười thập kỷ sau đó 1830, cà phê trở thành sản phẩm xuất khẩu lớn nhất của Brazil và chiếm 30% sản lượng thế giới. Đến năm 1920, Brazil gần như độc quyền ngành cà phê thế giới khi cung cấp 80% lượng giao dịch. Mặc dù có một chút suy giảm vào năm 1960 nhưng vẫn chiếm tận 60%, và vẫn giữ vững vị trí hàng đầu thế giới trong 150 năm trở lại đây.

Brazil có khoảng 220.000 nông trại cà phê hoạt động, các đồn điền tập trung chủ yếu ở các bang miền Đông Nam như Minas Gerais, São Paulo và Parana. Với môi trường và khí hậu lý tưởng, Minas Gerais chiếm tới một nửa sản lượng cả nước. Hầu hết các nông trại thu hoạch vào mùa khô từ Tháng 6 đến Tháng 9. Cà phê Arabica là ưu thế của Brazil, chiếm 70% toàn sản lượng; Robusta chiếm 30% còn lại. Ở Brazil, sản lượng Arabica tập trung chủ yếu ở các miền trồng cà phê chính, dẫn đầu là Minas Gerais. Robusta được trồng hầu hết ở phía đông nam, tại các bang nhỏ hơn như Espirito Santo (80% cà phê là Robusta). Gần đây, các bang phía tây bắc cũng đã tham gia thị trường cà phê và sản xuất phần lớn Robusta.

Theo số liệu của Văn phòng thương mại nông nghiệp Sao Paulo (ATO), tổng diện tích trồng cà phê của Brazil trong 10 năm vừa qua có xu hướng giảm nhẹ, mùa vụ 2018/2019 diện tích giảm khoảng 1,5% so với mùa vụ 2007/2008, từ 2.431 triệu ha xuống còn 2.395 triệu ha. Trong khi đó, diện tích cà phê cho thu hoạch lại giảm mạnh hơn, từ 2.235 triệu ha mùa vụ 2007/2008 xuống còn 2.060 triệu ha mùa vụ 2018/2019. Một số nguyên nhân khiến diện tích cà phê của Brazil suy giảm bao gồm: trong vài năm trở lại

đây, việc giá tiêu đen tăng mạnh đã kích thích người dân ở Brazil chuyển hướng sang trồng hồ tiêu đen như một nguồn thu nhập thay thế; thời tiết cực đoan, khắc nghiệt như hạn hán, sương muối liên tục xảy ra khiến diện tích thu hoạch cà phê bị thiệt hại nặng nề.

**Biểu đồ 1 Diện tích cà phê của Brazil 2007 - 2018**

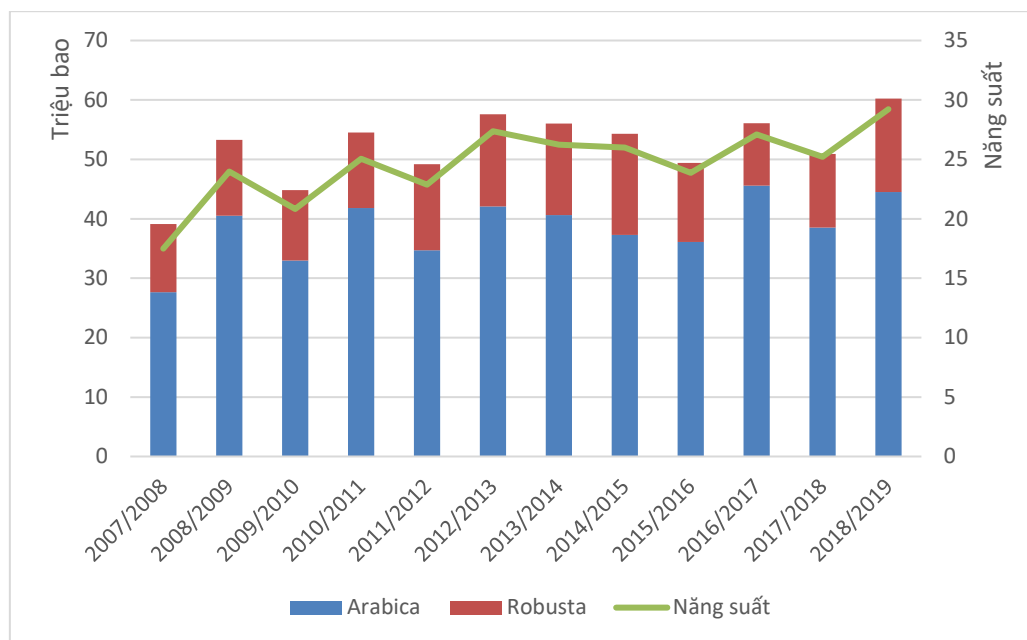


*Nguồn: ATO*

Sản lượng cà phê của Brazil thường tăng giảm theo chu kỳ 2 năm, và phụ thuộc khá nhiều vào thời tiết. Brazil đã phải chịu nhiều hiện tượng thời tiết tiêu cực như sương muối (làm chết những bông hoa hoặc chồi non trong giai đoạn phát triển, ảnh hưởng lớn tới vụ thu hoạch năm sau) hoặc hạn hán khiến sản lượng cà phê giảm mạnh (như trong niên vụ 2017/2018). Niên vụ 2018/2019 (bắt đầu từ đầu tháng 7/2018), ATO dự báo sản lượng thu hoạch cà phê của Brazil dự kiến sẽ tăng lên mức cao kỷ lục 60,2 triệu bao (loại 60 kg/bao), tăng 18% so với niên vụ trước. Năng suất thu hoạch cà phê của Brazil trong niên vụ 2018-19 dự kiến cũng đạt mức kỷ lục 29,2 bao/ha, tăng so với mức tương ứng 25,2 bao/ha trong niên vụ hiện thời. Trong đó cà phê Arabica dự kiến đạt 44,5 triệu bao, tăng 15,6 % và cà phê Robusta đạt 15,7 triệu bao, tăng 26,6% so với niên vụ trước. Nguyên nhân khiến sản lượng cà phê Brazil niên vụ 2018/2019 tăng mạnh là do 80% sản lượng đến từ các vùng có cây bước vào năm được mùa của chu kỳ hai năm. Ngoài ra, cây ở hầu hết các vùng được hưởng lợi từ thời tiết thuận lợi trong quá trình nở hoa, và các giai đoạn tạo quả. Ngoài ra khu vực Parana và đông nam Minas Gerais dù không rơi vào thời điểm được mùa của chu kỳ hai năm, nhưng mức giảm được dự báo sẽ thấp hơn mức trung bình. Bên cạnh đó, việc

mở rộng cây giống vô tính và cải thiện kỹ thuật quản lý cây trồng đã hỗ trợ tích cực cho sự tăng trưởng sản lượng cà phê của Brazil trong năm nay.

**Biểu đồ 2 Sản lượng và năng suất cà phê Brazil 2007 - 2018**



Nguồn: ATO

## 2.2 Hoạt động chế biến và sơ chế sản phẩm

So với các quốc gia khác trong ngành cà phê và trong khu vực, ngành cà phê Brazil có tỷ lệ cơ giới hóa rất cao. Máy móc được sử dụng trong quá trình canh tác từ chăm sóc, đến thu hoạch chế biến. Các trang trại cà phê thường thu hoạch vào mùa khô (từ tháng 6 tới tháng 9) khi các trái đã chín. Riêng đối với khâu thu hoạch, máy móc tham gia khá nhiều công đoạn hoặc là máy cầm tay để tuốt quả, hoặc máy thu hái tự động trên những trang trại cà phê lớn. Điều này khá đối nghịch với các khu vực sản xuất cà phê Châu Phi như Ethiopia, Burundi, hay Tanzania – cà phê được thu hái thủ công, với sự chọn lựa nghiêm ngặt hơn. Dù phương pháp này giúp cà phê Brazil đạt được sản lượng, song phải đánh đổi lại một phần chất lượng so với các quốc gia khác.

Sản phẩm cà phê của Brazil rất có uy tín trên thị trường thế giới nói chung và EU nói riêng nhờ chất lượng cao và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về cà phê của ICO. Brazil có giống tốt, điều kiện tự nhiên thuận lợi, máy móc hiện đại và hệ thống nghiên cứu khoa học tiên tiến luôn đảm bảo chất lượng cà phê cao, vệ sinh an toàn thực phẩm, vượt qua được rào cản kỹ thuật khi xâm nhập vào EU.



Khi người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến những sản phẩm cà phê có con dấu chứng nhận thì Brazil cũng đã đưa vào các hệ thống cần thiết để đáp ứng các nhu cầu này của thị trường. Brazil quản lý chuỗi hoạt động giữa các bên liên quan như người nông dân, người sản xuất, trung gian và người xuất khẩu; đảm bảo chất lượng nghiêm ngặt từ trồng trọt đến chế biến; sản phẩm cà phê đạt chuẩn được chứng nhận bởi các tổ chức thứ 3 như Fai-trade, RFA, UTZ... Tính đến nay đã có hơn 250 nhãn hàng cà phê của Brazil được cấp giấy chứng nhận chất lượng. Bên cạnh đó, Brazil cũng quan tâm đến vấn đề môi trường và quyền con người, đảm bảo các tổ chức và nông dân không khai thác sử dụng lao động trẻ em

Hầu hết cà phê Brazil được chế biến khô, một số ít được chế biến theo phương pháp truyền thống (Pulpe) – Một phương pháp khá tương đồng với phương pháp chế biến bán ướt khi mà cà phê được xát vỏ và phơi khô với một phần chất nhầy còn lại. Ngoài những phương pháp chế biến thông thường như chế biến khô, chế biến ướt, chế biến nửa ướt thì Brazil còn tiếp tục nghiên cứu những phương thức chế biến cà phê mới như “khô tự nhiên”, cà phê được để khô ở trên cây nhằm làm tăng hương vị tự nhiên của hạt cà phê. Điều này làm gia tăng sự khác biệt giữa cà phê của Brazil với các đối thủ, giúp nâng cao được giá bán, có nhiều lợi nhuận hơn. Hàng năm, Quỹ Cà phê Brazil dành ngân sách tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu trong chương trình “Quốc gia nghiên cứu và phát triển cà phê” nhằm tạo ra và chuyển giao kiến thức, công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của cà phê Brazil.

Ngành công nghiệp chế biến cà phê Brazil được chia thành hai nhóm phân biệt, nhóm cà phê rang xay và nhóm cà phê hòa tan. Thị trường rang xay rất cạnh tranh, với sự tham gia của hàng ngàn công ty. Trái lại, nhóm cà phê hòa tan ít cạnh tranh hơn, chỉ với 4 hãng lớn chiếm tới 75% thị trường.

Brazil là nước xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất thế giới, mặt hàng này chiếm từ 10-20% tổng lượng xuất khẩu cà phê. Cả hai loại cà phê này đều được xuất khẩu chủ yếu qua Hoa Kỳ, nước tiêu thụ cà phê nhiều nhất thế giới.

### **2.3. Chính sách hỗ trợ sản xuất**

Tại Brazil, các chính sách điều hành và tổ chức quản lý ngành hàng đã được xây dựng và vận hành từ một thế kỷ trước. Năm 1906, chính phủ Brazil đã sử dụng tín dụng để bình ổn thị trường, tập trung cho xuất khẩu. Năm 1952, Viện cà phê Brazil (Brazil Coffee Institute - IBC) được thành lập với vai trò là cơ quan điều phối các chủ thể trong ngành, tăng cường sự phát triển của ngành và đẩy mạnh khả năng cạnh tranh của cà phê Brazil.[1] Đến nay, ngành hàng cà phê Brazil đã được tổ chức chặt chẽ với 5 cơ quan, mỗi cơ quan đại diện cho một nhóm tác nhân ngành hàng, hoạt động dựa trên chức năng nhiệm vụ và

cơ chế tài chính rõ ràng: Hội đồng cà phê quốc gia (CNC) đại diện cho người sản xuất cà phê; Hiệp hội ngành hàng cà phê Brazil (ABIC) đại diện cho ngành chế biến cà phê; Hiệp hội ngành hàng cà phê hòa tan Brazil (ABICS) đại diện cho ngành cà phê hòa tan; Hội đồng các nhà xuất khẩu cà phê xanh Brazil (CECAFE) đại diện cho các nhà xuất khẩu cà phê và Hội đồng tham vấn chính sách cà phê (CDPC) đại diện của cả 4 cơ quan trên.

Hội đồng tham vấn chính sách Cà phê Brazil là cơ quan điều hành cấp cao của ngành hàng cà phê nước này, trực tiếp đưa ra chính sách và quyết định quan trọng nhất để điều tiết hoạt động sản xuất, thị trường, xây dựng chiến lược cà phê quốc gia và đảm bảo lợi ích cho các tác nhân tham gia. Tổ chức này hoạt động theo cơ chế thảo luận chung, quyết định theo đa số, dưới sự chủ trì của đại diện cơ quan quản lý Nhà nước, tạo điều kiện cho các tác nhân có tiếng nói, có quyền tham gia và quyết định chính sách, bảo vệ lợi ích cho bộ phận mình. Nhà nước không phải là cơ quan duy nhất chịu trách nhiệm hoạch định chính sách và điều hành thị trường mà chỉ là cơ quan chủ trì hoạt động thảo luận, quyết định chính sách.

Công cụ chính để CDPD đưa ra chính sách điều tiết ngành cà phê là “Quỹ cà phê (Funcafe)”, được thành lập trong thập niên 60 của thế kỷ trước. Mục đích chính của quỹ cà phê là thực hiện những chính sách phục vụ lợi ích của các nhóm đối tác trong ngành hàng, giúp tăng thu nhập, đảm bảo sự phát triển cân đối của chuỗi ngành hàng, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm, tạo công ăn việc làm và ổn định xã hội, phát triển nghiên cứu để mở rộng sản xuất, tăng khả năng cạnh tranh của ngành hàng cà phê và nâng cao chất lượng của lực lượng lao động. Ủy ban tiền tệ quốc gia (CMN) là cơ quan phân phối, quản lý quỹ dựa trên các quyết sách của Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và Cung ứng (MAPA) Brazil. Quỹ Cà phê được dùng để tài trợ chi phí sản xuất, quảng bá hình ảnh, xúc tiến thương mại, và nghiên cứu cà phê.

- Hỗ trợ sản xuất: Nông dân và các hợp tác xã trồng cà phê được hỗ trợ chi phí đầu vào phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, lao động, máy móc. Hạn mức hỗ trợ là 4 nghìn R\$/1 mẫu (tiền Brazil)

- Hỗ trợ thu hoạch: các chi phí phát sinh trong quá trình thu hoạch: thuốc diệt cỏ, thu hoạch, vận chuyển đến kho bãi, sấy, lao động và vật liệu... Hạn mức hỗ trợ: 4,000 Real / mẫu Anh, và tối đa 400,000 Real cho mỗi nhà sản xuất.

- Hỗ trợ dự trữ: Người trồng cà phê được tài trợ kinh phí để dự trữ cà phê với hạn mức 750,000 Real cho mỗi nhà sản xuất; 50% công suất chế biến hàng năm của mỗi hợp tác xã.

- Hỗ trợ mua lại: Các công ty xuất khẩu, chế biến, rang cà phê được hỗ trợ để mua lại cà phê xanh từ các cơ sở chế biến, các nhà xuất khẩu, nông dân hoặc hợp tác xã. Hạn mức hỗ trợ là 50% công xuất chế biến hoặc 15,000,000 Real/mỗi người.

- Quảng cáo và xúc tiến thương mại cà phê: Quỹ Cà phê hỗ trợ hai chương trình quảng cáo cà phê trong nước và tổ chức xúc tiến Brazil cà phê ở nước ngoài nhằm tạo hình ảnh tích cực về sản phẩm cà phê Brazil, củng cố và mở rộng thị trường cà phê nội địa và quốc tế. Sự hỗ trợ của Quỹ giúp ngành cà phê liên tục mở rộng tiêu thụ, thu hút khách hàng mới, khuyến khích cải tiến chất lượng và giá trị gia tăng của cà phê, cũng như tăng cường thương hiệu Cà phê Brazil

- Hỗ trợ nghiên cứu: Quỹ Cà phê Brazil cũng dành ngân sách tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu cà phê trong “Chương trình Quốc gia nghiên cứu và phát triển cà phê“(PNP&D/Café), với mục tiêu tạo và chuyển giao kiến thức và công nghệ nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh của cà phê Brazil.

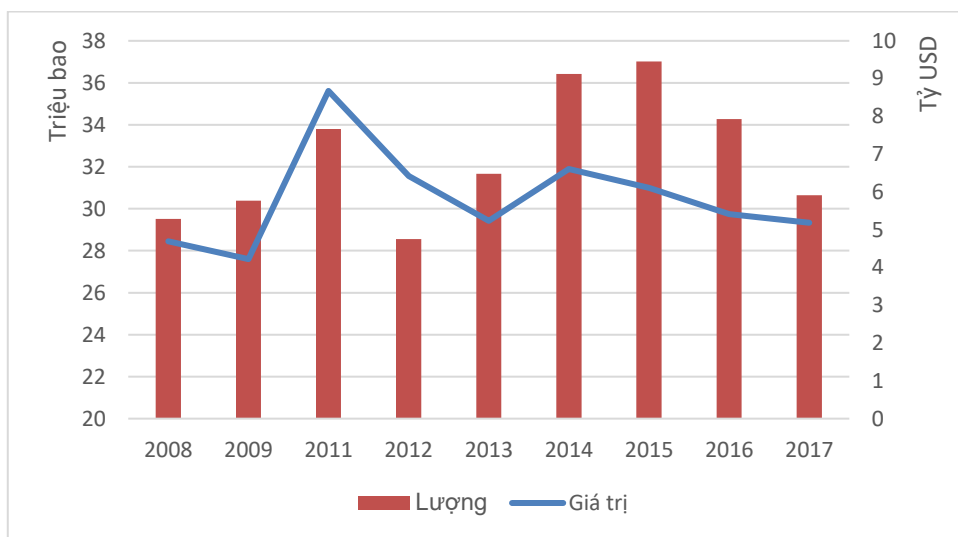
Ở khâu sản xuất, Brazil xây dựng theo mô hình HTX. Nhiệm vụ chính của HTX là tổng hợp khuyến nông và tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm, giúp người dân có thể an tâm sản xuất mà không cần lo lắng về đầu ra. Brazil xây dựng và phát triển hệ thống hợp tác xã ngành hàng cà phê hoạt động rất hiệu quả và nhộn nhịp. Sản xuất cà phê của các Hợp tác xã chiếm tới 35% tổng sản lượng cà phê của cả nước.

### **III. Thực trạng thương mại của ngành hàng**

#### **3.1 Xuất khẩu**

Brazil là nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới, Tuy nhiên trong 3 năm gần đây khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Brazil đang có xu hướng giảm. Năm 2017 giá trị xuất khẩu cà phê của Brazil đạt 5,18 tỷ USD, khối lượng khoảng 30,63 triệu bao, giảm 4,3% về khối lượng và 10,59 % về giá trị so với cùng kỳ. Dự báo tổng xuất khẩu cà phê của Brazil niên vụ 2018/2019 sẽ tăng trở lại, đạt khoảng 35,33 triệu bao (loại 60kg), do nguồn cung năm nay tăng mạnh. Trong đó xuất khẩu cà phê thô dự báo đạt khoảng 32 triệu bao và cà phê hòa tan đạt khoảng 3,3 triệu bao.

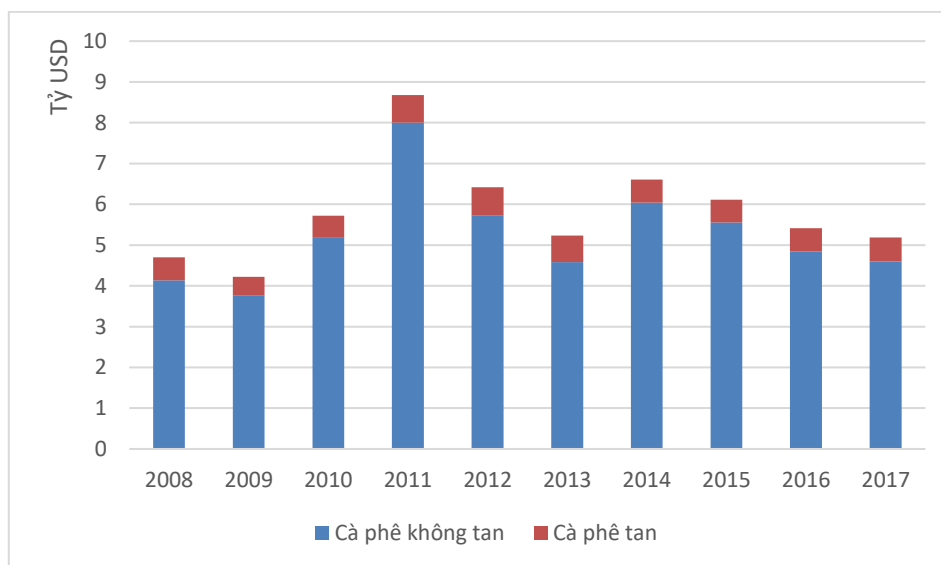
**Biểu đồ 3 Khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Brazil từ 2008 - 2017**



Nguồn: Trademap

Trong tổng giá trị xuất khẩu cà phê của Brazil, các loại cà phê không tan (rang hoặc chưa rang) chiếm chủ yếu, với tỷ lệ khoảng 88,74% (năm 2017), trong khi đó cà phê hòa tan chỉ chiếm khoảng 11,26%, với giá trị khoảng 584 triệu USD (2017). Trong 10 năm qua, tỷ lệ này không có quá nhiều sự thay đổi.

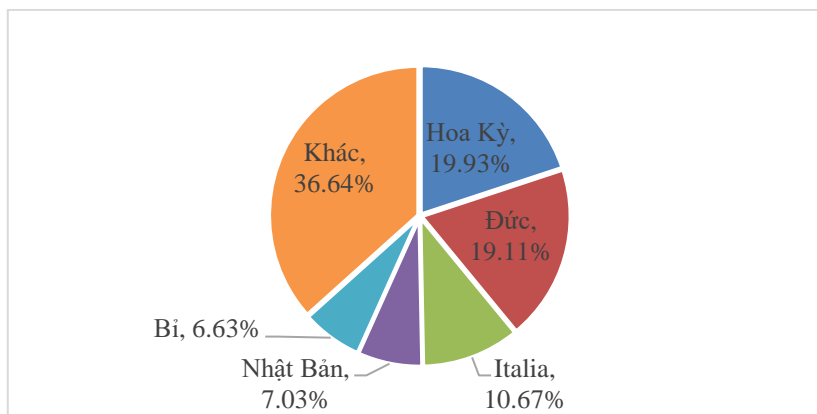
**Biểu đồ 4 Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Brazil**



Nguồn: Trademap

Đối với cà phê không tan, thị trường xuất khẩu cà phê lớn nhất của Brazil là Hoa Kỳ. Năm 2017, giá trị xuất khẩu sang thị trường này đạt khoảng 916,7 triệu USD, chiếm 19,93%. Đứng thứ 2 là thị trường Đức, với giá trị khoảng 879 triệu USD, chiếm khoảng 19,11%. Tiếp theo là các thị trường Italia, Nhật Bản và Bỉ.

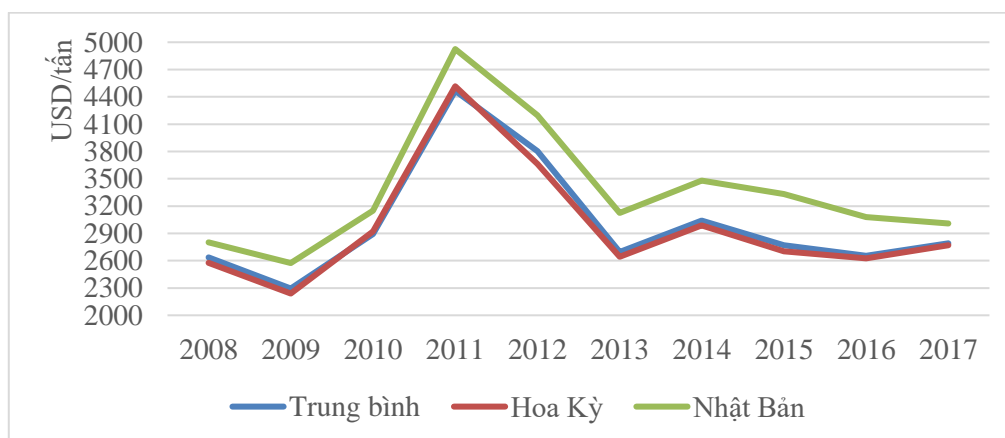
**Biểu đồ 5 Thị trường xuất khẩu cà phê không tan chính của Brazil 2017**



Nguồn: Trademap

Giá cà phê xuất khẩu trung bình của Brazil sau khi đạt đỉnh điểm vào năm 2011 đã suy giảm mạnh những năm sau đó. Năm 2017, giá cà phê xuất khẩu của Brazil đạt 2792 USD/tấn, tăng nhẹ 5,16% so với năm trước. Trong các thị trường, giá xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản cao nhất, còn thị trường Hoa Kỳ có giá xuất khẩu cà phê gần tương đương với giá trung bình. Sang năm 2018, với dự báo sản lượng cà phê tại Brazil cũng như toàn thế giới tăng mạnh, đồng thời đồng Real của Brazil tụt giá so với đồng USD khiến giá xuất khẩu của Brazil trong năm nay sẽ giảm mạnh.

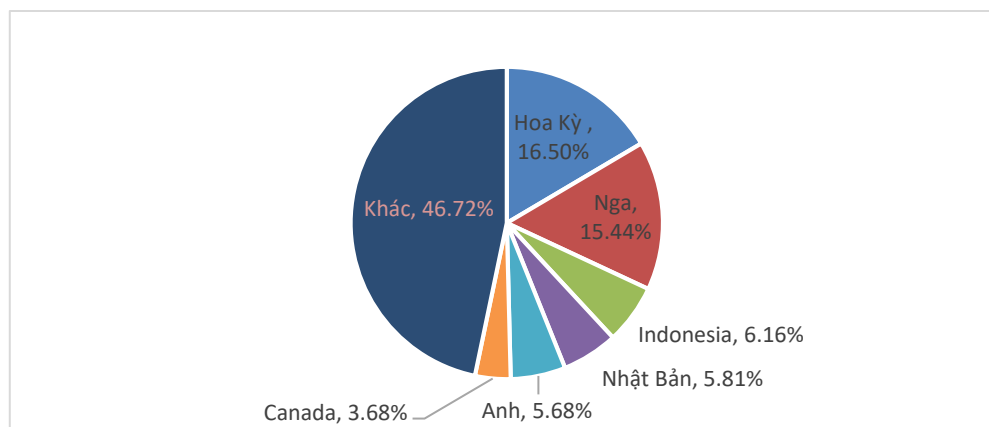
**Biểu đồ 6 Giá xuất khẩu cà phê không tan của Brazil qua các năm**



Nguồn: Trademap

Đối với cà phê hòa tan, hai thị trường xuất khẩu chính của Brazil là Hoa Kỳ và Nga với tỷ trọng chiếm lần lượt là 16,5% và 15,44%. Ngoài ra còn các thị trường khác như Indonesia, Nhật Bản, Anh, Canada cũng có tỷ trọng xuất khẩu đáng kể.

**Biểu đồ 7 Thị trường xuất khẩu hòa tan chính của Brazil 2017**

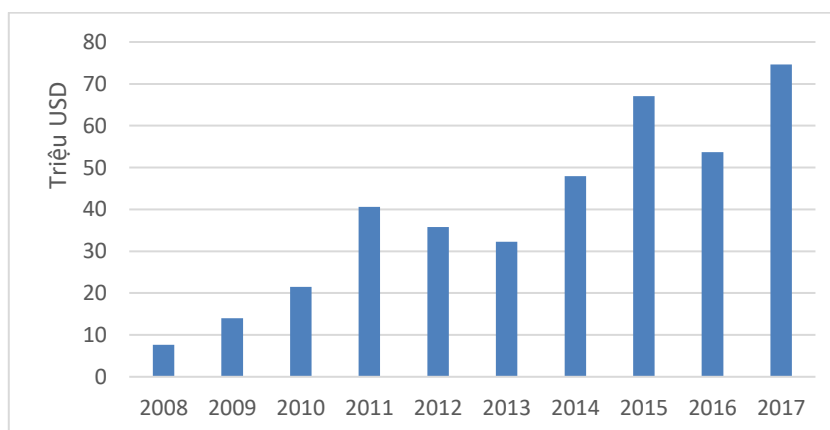


Nguồn: Trademap

### 3.2 Nhập khẩu

Mặc dù là nước có sản lượng cà phê lớn nhất thế giới, tuy nhiên Brazil vẫn nhập khẩu thêm cà phê thô (rang hoặc chưa rang). Mặc dù số lượng chưa lớn nhưng trong 10 năm qua tỷ lệ tăng rất đáng kể. Nếu năm 2008 Brazil chỉ nhập khoảng 7,6 triệu USD thì tới năm 2017 đã tăng lên gần 10 lần với giá trị nhập khẩu khoảng 74,6 triệu USD. Từ năm 2017 Brazil có nhập khẩu thêm cà phê từ Việt Nam nhưng giá trị chưa thực sự đáng kể.

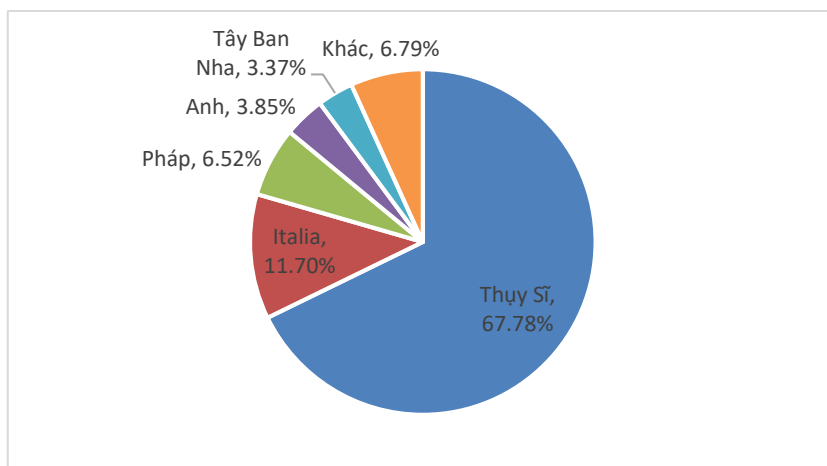
**Biểu đồ 8 Nhập khẩu cà phê của Brazil 2008 - 2017**



Nguồn: Trademap

Brazil chủ yếu nhập khẩu cà phê từ Thụy Sĩ, chiếm tới 67,78% năm 2017, ngoài ra còn một số nước châu Âu khác như Italia, Pháp, Anh, Tây Ban Nha... Nhập khẩu từ Việt Nam hiện chỉ chiếm chưa tới 1% trong tổng giá trị nhập khẩu của Brazil

**Biểu đồ 9 Nguồn nhập khẩu cà phê của Brazil 2017**



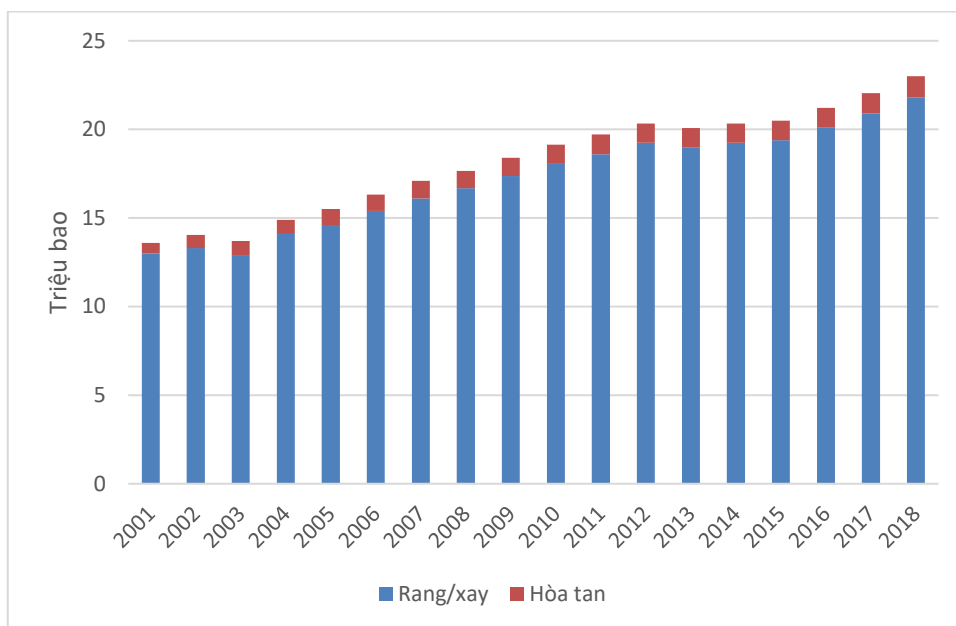
Nguồn: Trademap

### 3.3 Tiêu dùng trong nước

ATO/Sao Paulo dự báo tiêu dùng nội địa của Brazil niên vụ 2018/2019 sẽ đạt 23 triệu bao (loại 60kg), trong đó bao gồm 21,82 triệu bao cà phê rang/xay và 1,18 triệu bao cà phê hòa tan, tăng 3% so với niên vụ trước. Brazil là nước có sản lượng tiêu thụ cà phê lớn thứ 2 thế giới (sau Mỹ), với gần 50% sản lượng sản xuất ra được tiêu thụ trong nước, giúp giảm bớt sự phụ thuộc vào thị trường bất ổn trên thế giới. Hiện nay, lượng tiêu thụ nội địa vẫn liên tục tăng hàng năm, nhờ triển khai chương trình xúc tiến thương mại toàn diện trong nước từ thập kỷ 80 của thế kỷ 20.

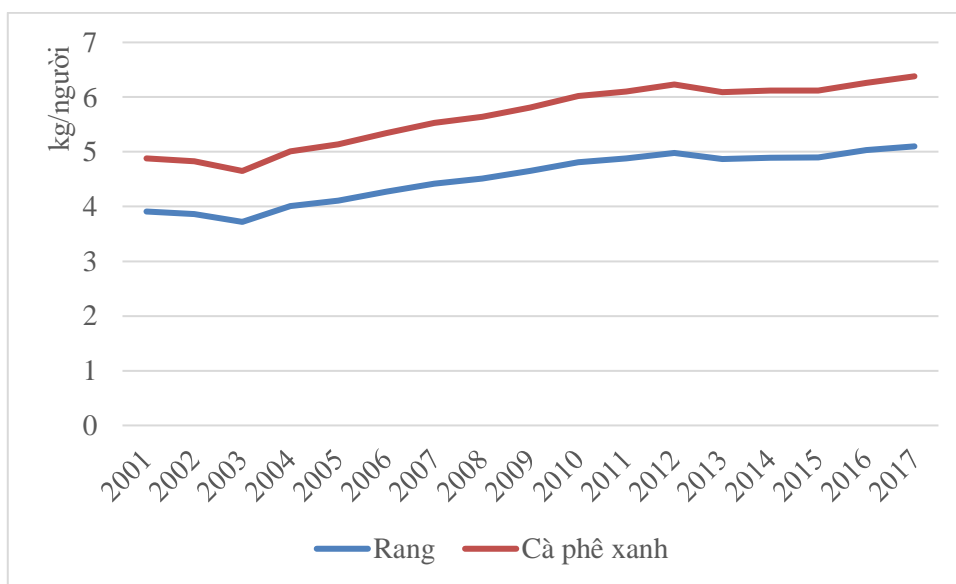
Theo báo cáo của Hiệp hội công nghiệp cà phê Brazil (ABIC) Tiêu dùng cà phê trong nước của Brazil thời gian qua liên tục tăng bởi nhiều yếu tố như chất lượng cà phê của Brazil ngày càng được cải thiện; Chương trình cà phê bền vững cung cấp giấy chứng nhận đảm bảo toàn diện cho người trồng khi đạt được các tiêu chuẩn bền vững từ khâu canh tác cho đến khâu thành phẩm; Chương trình Cà phê và Sức khỏe đã giúp nâng cao nhận thức của người dân rằng cà phê có thể mang lại một cuộc sống khỏe mạnh hơn; Sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ ở Brazil, bao gồm thu nhập bình quân đầu người cao hơn, sức mua nhiều hơn, tỷ lệ thất nghiệp thấp hơn và người tiêu dùng chuyển từ thu nhập thấp lên thu nhập cao cũng là những yếu tố làm tăng nhu cầu tiêu thụ cà phê trong nước.

**Biểu đồ 10 Tiêu thụ cà phê trong nước của Brazil 2001-2018**



Nguồn: ABIC

**Biểu đồ 11 Tiêu thụ cà phê Brazil tính theo bình quân đầu người**



Nguồn: ABIC.

### 3.4 Tồn kho

ATO/Sao Paulo dự báo tồn kho cuối niên vụ 2018/2019 sẽ đạt 4 triệu bao, tăng 1,93 triệu bao so với niên vụ trước (2.07 triệu bao) do dự báo nguồn cung tăng mạnh. Trong khi



đó tồn kho của Chính phủ gần như bằng 0. Tồn kho ở đây bao gồm tồn kho của người trồng, HTX cà phê, các nhà xuất khẩu, ngành công nghiệp cà phê rang/xay và hòa tan...

**Biểu đồ 12 Tồn kho của Brazil 2016-2018**

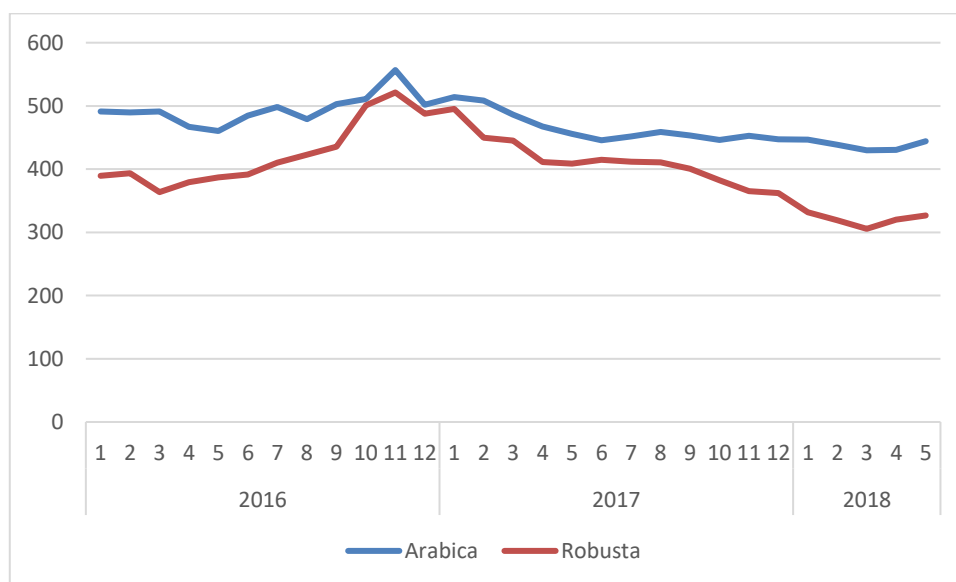
Niên vụ	2016/2017	2017/2018	2018/2019
Tồn kho đầu niên vụ (triệu bao)	2,372	3,928	2,072
Tồn kho cuối niên vụ (triệu bao)	3,928	2,072	4,004

Nguồn: ATO/Sao Paulo

### 3.5 Giá cà phê trong nước

Tại Brazil giá cà phê có sự khác biệt giữa cà phê Arabica và Robusta. Nhìn chung giá cà phê Arabica được giữ ổn định hơn, giá cà phê Robusta có nhiều biến động mạnh hơn. Với dự báo nguồn cung tăng mạnh trong năm 2018, ngay trong 5 tháng đầu năm khi chưa bắt đầu vụ, giá cà phê Arabia trung bình trong 5 tháng đã giảm 10% so với cùng kỳ 2017, trong khi đó giá cà phê Robusta giảm tới 27,47% so với cùng kỳ. Điều này dẫn tới khoảng cách giá giữa 2 loại cà phê ngày càng mở rộng kể từ thời điểm giá gần như tương đương vào cuối năm 2016.

**Biểu đồ 13 Giá cà phê trung bình tháng của Brazil 2016 - 2018**



Nguồn: Đại học Nông nghiệp Luiz de Queiroz của Sao Paulo (ESALQ)

### 3.6 Chính sách thương mại của Brazil

Chính phủ Brazil đang chuyển hướng chính sách ưu đãi sang khu vực nông nghiệp, nông thôn và cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ bằng nhiều biện pháp cụ thể:

Cùng với chính sách thắt lưng buộc bụng, tăng cường thu thuế, Chính phủ Brazil tập trung nguồn lực nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn coi đây là một cứu cánh cho nền kinh tế.

Mới đây Chính phủ Brazil công bố chương trình hỗ trợ tài chính cho nông nghiệp và chăn nuôi với tên gọi "Chương trình thu hoạch". Theo đó, Chính phủ sẽ dành một khoản ngân sách tương đương với gần 60 tỉ USD nhằm hỗ trợ trang trại quy mô vừa và lớn với lãi suất ưu đãi khoảng trên dưới 8% năm tập trung vào các hoạt động như: hỗ trợ chi phí sản xuất, hiện đại hóa phương tiện cơ giới trong nông nghiệp, mở rộng diện tích canh tác và chuồng trại, tu chỉnh lại các tuyến đường quốc lộ tại một số khu vực trọng điểm nông nghiệp, hiện đại hóa một số cảng biển phục vụ xuất khẩu.

Miễn giảm, giãn hoặc cho nợ thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm đầu vào phục vụ chế biến xuất khẩu. Các loại thuế được miễn giảm trong chương trình này như: thuế nhập khẩu, thuế đánh lên các sản phẩm công nghiệp, phí đóng góp an sinh xã hội... và kể cả thuế lưu thông hàng hóa liên bang.

Theo số liệu của Cục Ngoại thương Brazil (Thuộc Bộ Công nghiệp, Ngoại thương và Dịch vụ), năm 2016, các doanh nghiệp đăng ký tham gia chương trình miễn giảm thuế này lên tới con số 1.700 doanh nghiệp, trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt khoảng 42,0 tỉ USD, chiếm 23% tổng kim ngạch xuất khẩu. Hàng hóa tham gia chương trình rất đa dạng nổi bật như thịt gà, ô tô và hóa chất.

Trong thương mại quốc tế Brazil thường xuyên thặng dư thương mại với hầu hết các đối tác thương mại chính. Thời gian gần đây, do suy thoái kinh tế nên nước này càng tăng cường các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Theo WTO, Brazil là một trong những nước thường xuyên áp dụng các biện pháp phòng vệ nhiều nhất.

Brazil miễn thuế xuất khẩu cà phê, nhưng cà phê nhân và cà phê rang xay nhập khẩu bị đánh thuế 10% và cà phê hòa tan là 16%. Cà phê chưa qua chế biến có thể miễn thuế xuất khẩu đến ba nước lớn nhất: Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu và Nhật Bản, nhưng cà phê chế biến như rang xay, hòa tan và lọc caffin chịu thuế 7,5% đối với EU và 10% đối với Nhật. Các đơn hàng xuất khẩu sang Hoa Kỳ được miễn thuế.

Brazil thúc đẩy quan hệ với các tổ chức của EU nhằm tận dụng sự hỗ trợ về mặt kỹ thuật và tài chính của những tổ chức này, xem đây là một phương thức tiếp cận với các doanh nghiệp cà phê tại EU. Hiệp hội Công nghiệp Cà phê Brazil (ABIC) tạo những điều kiện để các doanh nghiệp tham gia các buổi hội nghị, sự kiện và xúc tiến quảng cáo cà phê ở thị trường EU. Những hoạt động này sẽ giúp doanh nghiệp cập nhật thông tin, xây dựng mối quan hệ kinh doanh với các khách hàng tiềm năng tại EU.

Quỹ Cà phê Brazil hỗ trợ chương trình quảng cáo cà phê trong nước và tổ chức xúc tiến ở nước ngoài nhằm tạo hình ảnh tích cực về sản phẩm cà phê Brazil, mở rộng thị trường cà phê nội địa và quốc tế. Một ví dụ thành công về việc quảng cáo của Brazil là chương trình “Cà phê và sức khỏe” với nội dung hướng dẫn và giáo dục về lợi ích của việc sử dụng cà phê điều độ đối với sức khỏe con người.

Tổ chức của các nhà xuất khẩu có vai trò quan trọng trong việc xúc tiến, đàm phán với các đối tác nhập khẩu, tìm hiểu thị hiếu từng thị trường về sản phẩm cà phê. Cà phê Brazil được xuất khẩu trực tiếp không qua trung gian giúp giảm chi phí, có lợi thế về giá, tạo được uy tín. Ngoài ra, có Bộ Nông nghiệp Brazil chuyên nghiên cứu, hoạch định chính sách, chịu trách nhiệm về vấn đề vệ sinh thực phẩm, phòng chống bệnh dịch. Bên cạnh đó, Brazil còn sử dụng “Quỹ cà phê” để tài trợ chi phí sản xuất, xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh và nghiên cứu cà phê.

#### **IV. Kết luận và một số lưu ý cho Việt Nam**

##### **4.1 Kết luận**

Brazil là một quốc gia có lịch sử trồng trọt, chế biến và tiêu thụ cà phê từ thế kỷ 17, phát triển mạnh từ thập kỷ 20 cho đến nay, Trước đây, cà phê chiếm tới 80% tổng thu nhập từ xuất khẩu, nhưng hiện nay chỉ còn là 20% do giá trị xuất khẩu của các ngành hàng khác tăng mạnh. Mặc dù vị trí của ngành cà phê giảm tương đối trong cơ cấu xuất khẩu, nhưng Brazil vẫn là nước xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, với sản lượng tương đối ổn định. Thành tựu này đạt được một phần là nhờ nước này có hệ thống giám sát nguồn cung cà phê hiệu quả, để đưa ra thông tin và dự báo thị trường cà phê chính xác, được công bố qua Hội thảo triển vọng thị trường được tổ chức hàng năm tại Brazil.

Brazil có một cơ chế tổ chức ngành hàng cà phê rất chặt chẽ, điều tiết và quản lý hoạt động sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu... bảo đảm lợi ích của các bên tham gia. Chính phủ Brazil đang chuyển hướng chính sách ưu đãi sang khu vực nông nghiệp, nông thôn và cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ bằng nhiều biện pháp cụ thể: Cùng với chính sách thắt lưng buộc bụng, tăng cường thu thuế, Chính phủ Brazil tập trung nguồn lực nhằm đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn coi đây là một cứu cánh cho nền kinh tế.

Là quốc gia có lịch sử truyền thống trong ngành và nhiều kinh nghiệm thâm nhập vào thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản...Brazil có nhiều kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu mặt hàng cà phê mà Việt Nam cần học hỏi.

#### **4.2 Một số lưu ý cho Việt Nam**

Việt Nam cần nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư nghiên cứu, tăng cường xúc tiến thương mại để cà phê Việt Nam được chứng nhận chất lượng, xây dựng uy tín, tăng khả năng cạnh tranh trong các thị trường đầy tiềm năng nhưng đòi hỏi tiêu chuẩn khắt khe như EU hoặc một số thị trường khác.

Xây dựng 1 tổ chức điều phối hoạt động dọc chuỗi ngành cà phê để có sự liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân trong chuỗi ngành hàng từ người sản xuất, chế biến, nhà xuất khẩu, các nhà khoa học và cả cơ quan nhà nước có liên quan để tạo được chiến lược và hoạch định chính sách quản lý tốt, phân tích dự báo thông tin thị trường cà phê trong và ngoài nước, xúc tiến thương mại ra nước ngoài, thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế giúp cà phê Việt Nam nâng cao được năng lực cạnh tranh.

Một kinh nghiệm nữa mà chúng ta học hỏi từ Brazil là tận dụng các cơ hội hợp tác và hỗ trợ từ nước ngoài. Vai trò này nằm ở Hiệp hội Cà phê cao Việt Nam VICOFA, Bộ NN&PTNT và các cơ quan nhà nước có liên quan khác. Tận dụng các mối quan hệ, thúc đẩy hợp tác, tăng khả năng cạnh tranh sẽ thu hút được sự quan tâm của các tổ chức nước ngoài, giúp chúng ta tiếp cận được hệ thống kỹ thuật tiên tiến, vốn hỗ trợ và hệ thống phân phối ở các nước. Tham dự các cuộc hội nghị, sự kiện chuyên đề để các doanh nghiệp nắm bắt thông tin thị trường kịp thời, học hỏi kỹ thuật mới, nâng cao năng lực, có cơ hội tiếp xúc, tìm kiếm cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp chế biến và sản xuất cà phê ở thị trường nước ngoài, giới thiệu sản phẩm cà phê của Việt Nam cũng như đưa chúng đến tay người tiêu dùng.

Bên cạnh đó, để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, việc tạo ra được những sản phẩm mới, đáp ứng được nhu cầu của thị trường, khác biệt, độc đáo hơn so với đối thủ cạnh tranh cũng là điều rất quan trọng. Vì vậy chúng ta cần phải đầu tư hơn nữa vào phương thức chế biến và sản xuất, tạo ra những sản phẩm cà phê mới.

## **Tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo thường niên ngành cà phê của Văn phòng thương mại nông nghiệp Sao Paulo (ATO).
2. Tổ chức cà phê quốc tế [www.ico.org](http://www.ico.org)
3. ITC: <https://trademap.org/Index.aspx>

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ <https://www.usda.gov/>